|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**TỜ TRÌNH**

**Về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt**

**Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030**

**DỰ THẢO: 07.11.2019**

 Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về việc tiếp tục triển khai các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia giai đoạn sau 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, một số doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và các nhà khoa học xây dựng Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (thay thế Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010), Bộ KH&CN kính trình Thủ tướng Chính phủ về Dự thảo Quyết định như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

**1. Tình hình triển khai Chương trình đến năm 2020**

**1.1. Hiện trạng triển khai**

Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (Chương trình sản phẩm quốc gia) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010. Ngay sau khi được phê duyệt, Bộ KH&CN đã chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Quốc phòng thực hiện triển khai Quyết định của Thủ tướng.

*Về hệ thống văn bản pháp lý*: Đến nay các văn bản hướng dẫn[[1]](#footnote-1) cơ bản đủ để vận hành Chương trình, các chính sách ưu đãi hỗ trợ khác nêu tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg hiện nay áp dụng theo các quy định hiện hành.

*Về triển khai các sản phẩm*: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 09 nhóm sản phẩm quốc gia từ năm 2012 và 04 sản phẩm quốc gia từ năm 2017 (gồm 18 sản phẩm[[2]](#footnote-2) cụ thể) tại các Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012, Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012, Quyết định số 787/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2017 và Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2017. Hiện nay, các Bộ chủ quản sản phẩm quốc gia đang tổ chức triển khai phát triển 13 sản phẩm gồm: Bộ KH&CN 03 sản phẩm[[3]](#footnote-3), Bộ Y tế 01 sản phẩm[[4]](#footnote-4), Bộ Công Thương 01 sản phẩm[[5]](#footnote-5), Bộ NN&PTNT 05 sản phẩm[[6]](#footnote-6) và Bộ Quốc phòng 03 sản phẩm), có 05 sản phẩm[[7]](#footnote-7) chưa triển khai. Như vậy về số lượng các sản phẩm so với mục tiêu[[8]](#footnote-8) đặt ra của Chương trình theo Quyết định 2441/QĐ-TTg đang thực hiện phát triển 13 sản phẩm, đạt được mục tiêu cụ thể đề ra là hình thành, phát triển tối thiểu 10 sản phẩm quốc gia.

 Mặc dù vẫn còn một số tồn tại liên quan đến cơ chế, chính sách lớn chưa thể điều chỉnh được ngay[[9]](#footnote-9), Bộ KH&CN và các Bộ quản lý sản phẩm được giao đã từng bước cùng các tổ chức chủ trì khắc phục khó khăn, sử dụng nguồn lực hạn chế để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình, góp phần đổi mới cơ chế hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Mặc dù hầu hết các sản phẩm đang trong quá trình thực hiện nhưng đã có những kết quả tác động hiệu quả đối với các ngành nông nghiệp, công nghiệp, y tế, ... đáp ứng yêu cầu của Chính phủ là tạo ra sự đột phá trong các ngành, lĩnh vực kinh tế-kỹ thuật, tạo ra các ngành, nghề mới, sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu không ngừng phát triển của nền kinh tế, thay thế nhập khẩu, hạn chế tình trạng nhập siêu.

**1.2. Một số kết quả đạt được**

- *Đối với sản phẩm Lúa gạo chất lượng cao, năng suất cao*: Đã xây dựng được gói kỹ thuật thâm canh, trong đó giảm được 50% nhu cầu về hạt giống lúa cho gieo cấy mà vẫn đảm bảo được năng suất cao (nhu cầu về giống lúa của Khu vực đồng bằng sông Cửu Long là 800 ngàn tấn/1 năm), góp phần tiết kiệm được 400 ngàn tấn giống/1 năm và sẽ đem lại lợi nhuận "gián tiếp” khoảng 2000 tỷ đồng/năm. Đã chọn tạo thành công 02 giống lúa thuần đạt tiêu chí về chất lượng và khả năng chống chịu sâu bệnh như mục tiêu đề ra (giống lúa Đông A1 và giống lúa TBR279). Tổ chức sản xuất được 5,233 tấn hạt giống lúa BC15 siêu nguyên chủng; 264,9 tấn hạt giống nguyên chủng và 1040,3 tấn hạt giống xác nhận 1 đạt tiêu chuẩn để cung cấp cho sản xuất.

- *Đối với sản phẩm Vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi*(thuộc nhóm “Sản phẩm vắc-xin phòng bệnh cho người và vật nuôi của Việt Nam”): Hiện đã có 01 vắc-xin cúm được lưu hành, mỗi năm sản xuất khoảng 200 triệu liều. Bên cạnh đó, các kết quả về chủng giống virus LMLM đã được kiểm nghiệm quốc gia. Hiện đã được phép lưu hành vắc-xin lở mồm long móng và vắc-xin nhược độc tai xanh. Đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ nhằm làm chủ được các công nghệ sản xuất vắc-xin tiên tiến trên thế giới, đáp ứng kịp thời nhu cầu vắc-xin phòng bệnh khi có dịch bệnh mới và các biến chủng mới.

- *Đối với sản phẩm Giàn khoan dầu khí di động* (thuộc nhóm “Sản phẩm thiết bị siêu trường, siêu trọng”): Giàn khoan dầu khí di động Tam Đảo 5 đã hoàn thiện thiết kế, chế tạo và hạ thủy từ tháng 8/2016, đến tháng 8/2017 bàn giao cho Chủ đầu tư là Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro. Đã hoàn thiện và làm chủ công tác thiết kế, hợp lý hóa công nghệ, quy trình chế tạo, thi công giàn khoan tự nâng ở độ sâu 400ft nước phù hợp với điều kiện và mang đặc trưng riêng của Việt Nam, góp phần tăng tỷ lệ nội địa hóa lên đến 46-47%, tăng 12% so với giàn Tam Đảo 03. Việc chế tạo thành công giàn khoan dầu khí di động đã đưa Việt Nam trở thành một trong số ít các nước Đông Nam Á có đủ năng lực thiết kế, chế tạo thiết bị phức tạp này.

- *Đối với sản phẩm Thiết bị nâng hạ có sức nâng lớn* (thuộc nhóm “Sản phẩm thiết bị siêu trường, siêu trọng”): Sản phẩm là Cầu trục dầm đôi do Xí nghiệp cơ khí Quang Trung sản xuất với 90% thiết bị nội địa, đã qua quy trình thử tải nghiêm ngặt và bàn giao phục vụ cho việc lắp đặt các thiết bị tại công trình xây dựng nhà máy thủy điện Lai Châu từ tháng 10 năm 2014. Sản phẩm có giá thành thấp hơn nhiều lần so với nhập ngoại từ các nước Châu Âu.

- *Đối với sản phẩm Vắc-xin phòng bệnh cho người* (thuộc nhóm “Sản phẩm vắc-xin phòng bệnh cho người và vật nuôi của Việt Nam”): Đã sản xuất thành công vắc xin cúm A/H5N1 và vắc xin cúm mùa với 3 typ chủng kháng nguyên A/H1N1, A/H3N2, cúm B phòng bệnh cho người trên qui mô lớn với công suất vắc xin cúm mùa 1,5 triệu liều/năm; vắc xin cúm A/H5N1: 3 triệu liều/năm. Hai loại vắc xin cúm A/H5N1(IVACFLU-A/H5N1) và vắc xin cúm mùa (IVACFLU-S) do IVAC sản xuất đã hoàn thành 3 giai đoạn thử nghiệm lâm sàng trên người theo đúng quy định của Bộ Y tế, có sự giám sát chặt chẽ của các tổ chức độc lập Quốc tế, được các Hội đồng đạo đức cơ sở và Hội đồng đạo đức Quốc gia nghiệm thu, Cục Khoa học công nghệ và đào tạo, Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận kết quả TNLS, đang hoàn thiện khâu đăng ký lưu hành để đưa sản phẩm ra phục vụ cộng đồng...

 **1.3. Đánh giá chung**

- Mặc dù đa số các sản phẩm đều đang trong quá trình triển khai nhưng đến nay Chương trình đã đạt được một số kết quả nổi bật về khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực quan trọng như đã nêu trên, các nhiệm vụ đã kết thúc đều có sản phẩm đầu ra có khả năng cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong nước, nâng cao chuỗi giá trị của các sản phẩm chủ lực, một số sản phẩm có khả năng xuất khẩu[[10]](#footnote-10); các nhiệm vụ đang được tiếp tục triển khai cũng hứa hẹn đưa ra được thị trường những sản phẩm chất lượng.

- Tiến độ triển khai các sản phẩm còn chậm so với dự kiến. Cho đến thời điểm hiện tại, 13/18 sản phẩm quốc gia triển khai từ năm 2012 đã được phê duyệt triển khai. Lý do chậm triển khai chủ yếu do các sản phẩm đều có tính phức tạp, quy mô lớn đòi hỏi yêu cầu cao về tính khả thi, đặc biệt khó nhất là hướng đến sản xuất, thương mại hóa sản phẩm do đó các Bộ, ngành đều cân nhắc kỹ lưỡng khi xây dựng các nhiệm vụ, giao nhiệm vụ cho các tổ chức chủ trì phát triển các sản phẩm. Bên cạnh đó là việc hoàn thiện các văn bản phục vụ triển khai Chương trình còn chậm cũng ảnh hưởng đến tiến độ chung của Chương trình.

- Đã thu hút được nguồn lực lớn từ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ với tổng kinh phí triển khai các nhiệm vụ là 2.512,519 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 587,376 triệu đồng và huy động từ nguồn khác 1.924,543 triệu đồng (không bao gồm sản phẩm quốc gia phục vụ an ninh quốc phòng), tạo sự gắn kết giữa lực lượng nghiên cứu ở các Viện nghiên cứu, Trường đại học với các doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề khoa học của các sản phẩm quốc gia.

 *Như vậy,* dù tổ chức thực hiện còn có những khó khăn, tồn tại nhất định, tuy nhiên có thể khẳng định nội dung của Chương trình sản phẩm quốc gia đáp ứng với yêu cầu, xu thế phát triển của nền kinh tế. Với cách tiếp cận của Chương trình là lấy sản phẩm làm đối tượng thực hiện hỗ trợ về khoa học và công nghệ đã đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh, mở rộng thị trường quốc tế, đúng với xu hướng phát triển và chỉ đạo của Chính phủ.

**2. Sự cần thiết phải tiếp tục triển khai Chương trình giai đoạn sau 2020**

**2.1. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ**

Tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Chính phủ đã giao cho Bộ KH&CN nhiều nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ “*Đẩy mạnh cơ cấu lại chương trình khoa học và công nghệ quốc gia theo hướng coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia*”.

Ngày 02/02/2019 Văn phòng Chính phủ đã ban hành Thông báo số 52/TB-VPCP thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại cuộc họp Ban chỉ đạo các Chương trình KH&CN quốc gia (Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020), trong đó Phó Thủ tướng Chính phủ đã kết luận “Ban Chỉ đạo đồng ý việc tiếp tục triển khai 3 Chương trình trong giai đoạn tiếp theo sau năm 2020. Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan đánh giá các kết quả đã đạt được, trên cơ sở đó xây dựng nội dung các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia giai đoạn 2021-2025 với tinh thần có trọng tâm, trọng điểm, xác định các mục tiêu khả thi và phù hợp với nguồn lực được giao, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trong năm 2019, đảm bảo triển khai không gián đoạn và có hiệu quả các Chương trình”.

 Đặc biệt, đối với Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Phó Thủ tướng đã giao Bộ KH&CN chủ trì nghiên cứu bên cạnh việc hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ các sản phẩm để trở thành sản phẩm quốc gia (như cách thức đang triển hiện nay), cần xem xét xây dựng tiêu chí và quy định về việc công nhận sản phẩm quốc gia đối với các sản phẩm đã đủ điều kiện; rà soát đề xuất cơ chế hỗ trợ các sản phẩm quốc gia, sản phẩm công nghệ cao trong việc thâm nhập thị trường trong nước và quảng bá thương hiệu ra nước ngoài để khuyến khích doanh nghiệp tham gia các Chương trình.

**2.2. Đáp ứng thực tiễn phát triển của nền kinh tế**

Thời gian qua, các doanh nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, đã có nhiều doanh nghiệp có sản phẩm đạt quy mô giá trị hàng ngàn tỷ đồng, chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước. Một số sản phẩm đã khẳng định được vị trí trên thị trường quốc tế. Trong lĩnh vực công nghiệp, hàng loạt các doanh nghiệp lớn tiếp tục khẳng định vị trí thương hiệu như sản phẩm của Tập đoàn công nghiệp Viettel, Vinfast, Trường Hải, Công ty CP thiết bị điện Đông Anh, Viglacera, Minh Long, ... . Trong lĩnh vực nông nghiệp, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT về danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia gồm 13 sản phẩm cần được hỗ trợ phát triển, mặt khác các doanh nghiệp đầu tư cho lĩnh vực chế biến quy mô ngày càng lớn như Lavifood, Doveco, Nafoods Group, Công ty Cổ phần tập đoàn Thái Bình Seed,… Trong bối cảnh đất nước đang đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, việc xác định ưu tiên đầu tư phát triển các sản phẩm trọng điểm quốc gia có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh với quốc tế, việc triển khai Chương trình càng cấp thiết đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 của các doanh nghiệp, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao. Chương trình được phê duyệt đã được gần 10 năm do đó cần cập nhật những nội dung mới trong chỉ đạo về phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và đặc biệt với tinh thần một Chính phủ kiến tạo, coi trọng doanh nghiệp, hỗ trợ, tạo dựng các doanh nghiệp đi tiên phong, trụ cột cho phát triển kinh tế -xã hội, điều này càng phù hợp hơn đối với việc triển khai Chương trình sản phẩm quốc gia.

Nội dung của Chương trình giai đoạn sau 2020 phải cập nhật được xu thế, yêu cầu của thực tiễn về phát triển khoa học và công nghệ, vai trò của khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt phải có cách thức tiếp cận thực tế hơn, đáp ứng đòi hỏi của các doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ trước sự cạnh tranh ngày càng khó khăn của thị trường trên cơ sở khắc phục những điểm bất cập trong việc triển khai Chương trình giai đoạn vừa qua, nghiên cứu các nội dung mới phù hợp.

**2.3. Đảm bảo tiếp tục triển khai có hiệu quả, không gián đoạn Chương trình sản phẩm quốc gia giai đoạn đến năm 2020**

*- Sản phẩm quốc gia mới thực hiện được trong thời gian ngắn, cần có thêm thời gian để khẳng định tính hiệu quả của chương trình:* Như trên đã nêu, đồng thời với việc hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn, Bộ KH&CN đã khẩn trương phối hợp với các Bộ ngành liên quan triển khai thực hiện các Dự án KH&CN thuộc Chương trình sản phẩm quốc gia. Dự án đầu tiên được triển khai vào đầu năm 2015, như vậy đến nay các Dự án KH&CN mới thực sự triển khai được hơn 4 năm, mới chỉ có duy nhất 01 dự án được nghiệm thu và đưa vào sử dụng là Dự án Giàn khoan dầu khí di động (thuộc sản phẩm quốc gia Thiết bị nâng hạ siêu trường, siêu trọng). Các dự án còn lại hiện nay đang được triển khai và chưa nghiệm thu do đó rất cần có thêm thời gian để khẳng định tính hiệu quả của chương trình.

*- Các dự án phát triển sản phẩm quốc gia được thiết kế theo chuỗi giá trị, có qui mô lớn, nội dung nghiên cứu và triển khai có hàm lượng khoa học cao, phức tạp, đa ngành nên cần có thời gian dài hạn để triển khai và đánh giá kết quả*: Dự án KH&CN thuộc Chương trình sản phẩm quốc gia được thiết kế theo chuỗi giá trình gồm chuỗi các giai đoạn nghiên cứu, triển khai và sản phẩm cuối cùng được thương mại hóa ở qui mô lớn cụ thể gồm: (i) Nghiên cứu phát triển công nghệ (dạng đề tài nghiên cứu), (ii) hoàn thiện công nghệ (dạng sản xuất thử nghiệm); (iii) đầu tư thương mại hóa sản phẩm. Để hoàn thiện chuỗi giá trị và thương mại hóa sản phẩm qui mô lớn, cần thiết phải có thời gian từ 5-10 năm. Đặc biệt nhóm sản phẩm quốc gia lĩnh vực nông lâm nghiệp,thủy sản (như Sản phẩm lúa gạo, Cá da trơn, cà phê, sâm Việt Nam, tôm nước lợ) do đặc thù sinh học của đối tượng nghiên cứu nên cần thời gian từ 8-15 năm để thương mại hóa sản phẩm. Vì vậy rất cần thiết phải kéo dài thời gian thực hiện đến năm 2025-2030 để có thể đánh giá tính hiệu quả và đảm bảo đầu ra của Chương trình sản phẩm quốc gia.

 **-** *Theo chỉ đạo của Chính phủ, danh mục sản phẩm quốc gia thường xuyên được cập nhật, nhóm sản phẩm được đưa vào nghiên cứu triển khai gần đây nhất là năm 2017, cần thiết phải có thêm thời gian để hoàn thiện chuỗi giá trị của sản phẩm.* Theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế, theo xu thế và tín hiệu thị trường, sản phẩm quốc gia được cập nhật bổ sung để đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Nhóm sản phẩm được bổ sung gần đây nhất là sản phẩm Sâm Việt Nam, sản phẩm Cà phê Việt Nam năng suất cao chất lượng cao, sản phẩm tôm nước lợ (Quyết định số 787/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)*.* Các sản phẩm này cần thời gian từ 5-15 năm để hoàn thiện phát triển chuỗi giá trị, đặc biệt là Sâm Việt Nam (chuỗi giá trị gồm: Nghiên cứu phát triển giống, canh tác, chế biến, phát triển thương hiệu và thương mại hóa) cần từ 8-15 năm để hoàn thiện. Vì vậy cần có thêm nhiều thời gian để triển khai thực hiện.

*Như vậy,* việc kéo dài thực hiện Chương trình sau năm 2020 là cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển sản phẩm quốc gia được Thủ tướng phê duyệt những năm qua.

# II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

**1. Căn cứ pháp lý hình thành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia trong thời điểm hiện tại**

Theo quy định tại Điều 54 của Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013 vềCơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt có nêu: **"***Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh, *có tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia được áp dụng cơ chế đầu tư đặc biệt*". Theo đó, giao *Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt*, trừ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc loại dự án, công trình quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. Tiêu chí xác định nhiệm vụ, cơ chế đầu tư đặc biệt và phương thức thực hiện đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được áp dụng cơ chế đầu tư đặc biệt do Chính phủ quy định.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ đã xác định *nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia bao gồm* Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (bao gồm Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia và *Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia khác*).

Như vậy căn cứ để hình thành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia chính là *Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện nhằm tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia* theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Tiêu chí, trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt này (Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia) hiện được triển khai theo đúng quy định tại Điều 30 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP của Chính phủ, nghĩa là căn cứ trên tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt quy định tại khoản 1 của Điều 30, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (bộ ngành, địa phương) xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt là Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này.

Như vậy, việc hình thành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia trong thời điểm hiện tại hoàn toàn có đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

**2. Về việc thực hiện công nhận sản phẩm quốc gia theo Thông báo số 52/TB-VPCP ngày 02/02/2019 của Văn phòng Chính phủ**

Thời gian vừa qua, Bộ KH&CN đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ tại Thông báo số 52/TB-VPCP ngày 02/02/2019 về việc xem xét công nhận các sản phẩm quốc gia, đã tổ chức hội thảo với các doanh nghiệp, hiệp hội… để làm rõ các nội dung cần triển khai. Mục đích quan trọng của việc công nhận sản phẩm quốc gia là thông qua hoạt động công nhận góp phần tôn vinh, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia. Tuy nhiên nếu gắn việc công nhận sản phẩm quốc gia với doanh nghiệp sản xuất sẽ gặp phải những vấn đề như sau:

Hiện nay, đã có một số Chương trình cấp quốc gia vinh danh, thúc đẩy hoạt động quảng bá thương hiệu cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, cụ thể như:

- Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 08/10/2019 và Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08/10/2019 với các nội dung liên quan như:

+ Các sản phẩm được gắn với các thương hiệu cụ thể; Hồ sơ đăng ký xét chọn đã bao gồm các thông tin về Thông báo của cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội, kết quả quan trắc môi trường, báo cáo tài chính, …; Đơn đăng ký tham gia xét chọn đã bao gồm các thông tin về: Doanh thu, thuế nộp ngân sách nhà nước, mô tả sản phẩm, chính sách khuyến khích sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, tài sản trí tuệ, công nghệ mới được áp dụng, đầu tư duy trì chất lượng sản phẩm, …;

+ Tại Quyết định số 1320/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ KH&CN xây dựng và thực hiện các đề án thuộc Chương trình Thương hiệu quốc gia gắn với các hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trong đó gồm “Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí của Chương trình” và “Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu gắn với quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước”. Đây chính là một phần nội dung hiện nay Chương Sản phẩm quốc gia đang thực hiện.

+ Tại Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng hệ thống tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia.

*Như vậy,* nội hàm của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã bao gồm đầy đủ các nội dung của việc công nhận sản phẩm quốc gia nếu thực hiện, điều này cho thấy việc thực hiện công nhận sản phẩm quốc gia là không thực sự phù hợp và có sự trùng lặp về nội dung với Chương trình Thương hiệu quốc gia.

Bên cạnh đó, về vinh danh các doanh nghiệp hiện cũng đang tồn tại song song một số giải thưởng như: Giải thưởng Chất lượng quốc gia (Bộ KH&CN) và một số giải thưởng do Hiệp hội các ngành hàng thực hiện như: Hàng Việt Nam chất lượng cao (Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao)... điều này càng cho thấy việc không cần thiết phải thực hiện việc công nhận sản phẩm quốc gia.

- Việc công nhận sản phẩm quốc gia gắn với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia không thực sự phù hợp với danh sách các sản phẩm đã được phê duyệt để phát triển thành sản phẩm quốc gia hiện nay (căn cứ vào Quyết định số 2441/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục 18 sản phẩm và nhóm sản phẩm, phần lớn các sản phẩm này là sản phẩm theo ngành, lĩnh vực, đặc biệt lĩnh vực nông nghiệp) đồng thời cũng chưa thực sự phù hợp với các văn bản khác do các Bộ, ngành ban hành như tại Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia với 13 sản phẩm ngành nông nghiệp.

***Với cơ sở nêu trên,*** để tránh trùng lặp với các Chương trình quốc gia đã được phê duyệt nhằm vinh danh, thúc đẩy quảng bá thương hiệu sản phẩm Việt Nam trong đó có các sản phẩm quốc gia, Bộ KH&CN kiến nghị không xây dựng nội dung về công nhận sản phẩm quốc gia vào dự thảo Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia giai đoạn đến năm 2030, xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về việc xem xét, lồng ghép việc công nhận sản phẩm quốc gia vào các Chương trình vinh danh hiện có, đặc biệt là Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030 cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ và tránh trùng lặp, lãng phí, đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách.

**3. Quá trình xây dựng văn bản**

- Bộ KH&CN đã thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Quyết định với thành phần gồm đại diện nhiều Bộ, ngành liên quan như: Bộ Công Thương, Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải (Quyết định số 2502/QĐ-BKHCN ngày 29/8/2019).

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo nhằm xác định các sản phẩm quốc gia cần hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học công nghệ để đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ từ phía doanh nghiệp, khắc phục các hạn chế trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cũng như sự bất cập về cơ chế, chính sách với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, các nhà khoa học của các Viện nghiên cứu, Trường đại học, Doanh nghiệp và cán bộ quản lý trong các lĩnh vực có liên quan.

- Nghiên cứu tài liệu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế (Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, ...).

- Xây dựng dự thảo thuyết minh, tờ trình và quyết định phê duyệt Chương trình.

- Gửi công văn xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức liên quan và ý kiến của Ban Chỉ đạo các Chương trình KH&CN quốc gia (Công văn số ........../BKHCN-CNN ngày .../.../2019 của Bộ KH&CN).

- Tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị và hoàn thiện dự thảo.

# III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

Trên cơ sở đánh giá các kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế của Chương trình giai đoạn đến năm 2020 cũng như căn cứ vào quan điểm, định hướng chỉ đạo xây dựng Chương trình giai đoạn đến năm 2030, Bộ KH&CN kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 với các nội dung như sau:

**1. QUAN ĐIỂM**

1.1. Phát triển sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao (gọi chung là công nghệ tiên tiến) là phương thức quan trọng để chuyển hoá các thành tựu khoa học và công nghệ thành hàng hoá thương mại; là cơ sở để hình thành các ngành nghề mới và các sản phẩm có nhiều tính năng mới, có giá trị gia tăng cao; là giải pháp hữu hiệu để tăng cường năng lực phát triển của các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ.

1.2. Nhà nước có chính sách đặc biệt để phát triển sản phẩm quốc gia; thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, tiến tới đẩy mạnh xuất khẩu ra khu vực và thế giới.

**2. MỤC TIÊU**

**2.1. Mục tiêu chung**

Hình thành và phát triển các sản phẩm hàng hoá thương hiệu Việt Nam bằng công nghệ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh về tính mới, về chất lượng và giá thành; tăng cường chuyển giao công nghệ, tiếp thu, làm chủ và ứng dụng công nghệ, đặc biệt các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào các ngành kinh tế - kỹ thuật, công nghiệp then chốt; nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và tiềm lực công nghệ quốc gia.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

Mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng các sản phẩm để đạt hoặc tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm đã phê duyệt trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia giai đoạn đến năm 2020; mở rộng thị phần trong nước, tăng cường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Hình thành và phát triển bổ sung từ 10 đến 15 sản phẩm quốc gia giai đoạn 2021-2030 trên cơ sở phát huy tiềm lực khoa học và công nghệ trong nước kết hợp với nguồn lực bên ngoài nhằm tạo bước đột phá phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật.

**3. SẢN PHẨM QUỐC GIA**

3.1. *Sản phẩm quốc gia* là các sản phẩm thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước, được hình thành, phát triển bằng công nghệ tiên tiến, có giá trị gia tăng cao, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

*3.2. Tiêu chí chung*

Sản phẩm quốc gia cần đáp ứng các tiêu chí chung như sau:

a. Sản phẩm được sản xuất bằng công nghệ tiên tiến, đủ điều kiện được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

b. Sản phẩm có quy mô sản xuất lớn, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao, góp phần thay thế nhập khẩu hoặc mang lại giá trị xuất khẩu lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với các ngành kinh tế - kỹ thuật chủ lực, an ninh quốc phòng của quốc gia.

c. Sản phẩm phát huy các lợi thế nhân lực, tài nguyên và điều kiện tự nhiên của đất nước, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, tái cơ cấu các ngành kinh tế- kỹ thuật.

*3.3. Định hướng lĩnh vực ưu tiên*

Sản phẩm quốc gia được định hướng phát triển theo các lĩnh vực ưu tiên sau:

a. Các ngành công nghiệp then chốt: tập trung vào các sản phẩm mới giúp duy trì tăng trưởng kinh tế, tiêu dùng nội địa và tối ưu hóa cơ cấu công nghiệp trong các lĩnh vực chế biến-chế tạo (cơ khí luyện kim, hóa chất, chế biến nông lâm thủy sản, dệt may da giày), năng lượng mới-năng lượng tái tạo, điện tử-tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ thông tin-viễn thông, công nghiệp hạ tầng*.*

b. Các ngành công nghiệp mới: tập trung vào những sản phẩm mới ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong các lĩnh vực Công nghệ thông tin - truyền thông; điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; cơ điện tử, năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử y sinh.

c. Ngành nông nghiệp: tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia; sản phẩm mới có lợi thế cạnh tranh, phục vụ cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

d. Ngành nghề khác: Ngành nghề khác: tập trung vào công nghiệp dược, dược liệu, y tế, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường, các sản phẩm mới do các doanh nghiệp khoa học và công nghệ phát triển.

**4. NỘI DUNG**

**4.1. Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm quốc gia**

a. Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, dây chuyền công nghệ, thiết bị tiên tiến, đổi mới hiện đại hóa thiết kế sản phẩm, từ đó có khả năng tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao.

b. Tìm kiếm, lựa chọn nhập khẩu công nghệ cao, tập trung nghiên cứu giải mã, thử nghiệm công nghệ nhằm thích nghi, làm chủ, tiến tới bản địa hóa công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

c. Hợp tác nghiên cứu, trao đổi chuyên gia để giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ phức tạp ở trình độ quốc tế, đẩy nhanh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng lực tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ.

**4.2. Sản xuất thử nghiệm sản phẩm quốc gia, hình thành doanh nghiệp đi tiên phong sản xuất sản phẩm quốc gia**

a. Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ: thiết kế, chế tạo thiết bị và dây chuyền sản xuất thử nghiệm; mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho dự án phát triển sản phẩm quốc gia.

b. Thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ; chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm có chất lượng cao và giá cạnh tranh trên thị trường.

c. Sản xuất ở quy mô thử nghiệm; kiểm tra, đánh giá, hoàn thiện công nghệ để phát triển quy mô và năng lực sản xuất các sản phẩm quốc gia.

d. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ đi tiên phong trong sản xuất sản phẩm quốc gia.

**4.3. Thương mại hoá sản phẩm và phát triển thị trường, hình thành ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sản phẩm quốc gia**

a. Tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại; tham gia các loại hình hội chợ, triển lãm, hội thảo thiết bị - công nghệ ở trong nước và quốc tế; phát triển các trung tâm giao dịch sản phẩm tại các vùng kinh tế lớn.

b. Phát triển các dịch vụ tư vấn xây dựng chỉ dẫn địa lý, xuất xứ hàng hóa, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, thương hiệu Việt Nam; đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế.

c. Từng bước phát triển các doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất sản phẩm quốc gia, tham gia chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu, làm nền tảng phát triển công nghiệp hỗ trợ; hình thành ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sản phẩm quốc gia.

**5. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**5.1.** **Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ**

a. Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực làm chủ công nghệ, quản trị công nghệ cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và quản lý để sớm hình thành đội ngũ chuyên gia, kỹ sư trưởng, công trình sư, giám đốc kỹ thuật. Thúc đẩy hình thành số lượng đông đảo các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng tâm là doanh nghiệp khoa học công nghệ.

b. Lựa chọn một số tổ chức khoa học công nghệ có tiềm lực khoa học công nghệ để thành lập các trung tâm ươm tạo. Ưu tiên đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số trung tâm nghiên cứu - triển khai, phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm và trạm thử nghiệm cho công tác nghiên cứu - phát triển công nghệ và hoạt động sản xuất thử nghiệm các sản phẩm quốc gia với ưu đãi cao nhất về đất để xây dựng các cơ sở này.

c. Nhà nước ưu tiên và tập trung đủ kinh phí cho các hoạt động tìm kiếm thông tin công nghệ, mua quyền sở hữu, quyền sử dụng và bí quyết công nghệ; đảm bảo kinh phí cho nghiên cứu tạo ra công nghệ mới trong nước, thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài.

**5.2.** **Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm quốc gia**

a. Tổ chức, cá nhân phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

b. Dự án sản xuất thử nghiệm được nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư dự án không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có.

c. Nhà nước hỗ trợ kinh phí kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm trong giai đoạn sản xuất lô số không; xây dựng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm quốc gia.

**5.3.** **Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ sản xuất sản phẩm quốc gia**

a. Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ sản xuất các sản phẩm thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia giai đoạn đến năm 2030 được ưu tiên tham gia các Chương trình KH&CN cấp quốc gia do Bộ KH&CN trực tiếp quản lý hoặc các Bộ ngành khác được giao quản lý.

b. Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ tham gia sản xuất các sản phẩm thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia giai đoạn đến năm 2030 được ưu tiên xem xét hỗ trợ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và hưởng các ưu đãi cao nhất về tín dụng, thuế, sử dụng đất theo các quy định hiện hành.

**5.4.** **Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển thị trường**

a. Sản phẩm quốc gia và doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia được ưu tiên tham gia vào các chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại của Nhà nước.

b. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp các điều kiện cần thiết để tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế.

c. Doanh nghiệp sản xuất, cung ứng đầu vào cho sản xuất sản phẩm quốc gia hoặc doanh nghiệp mua các sản phẩm quốc gia mới trong các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc giao thầu theo quy định của pháp luật.

d. Phát triển các tổ chức, dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế và xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác của sản phẩm.

e. Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quan hệ liên kết, đảm bảo nguyên liệu chế biến, phân phối sản phẩm trên thị trường.

**6. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

5.1. Kinh phí thực hiện Chương trình được đảm bảo từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước, gồm:

+ Kinh phí đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp.

+ Vốn ODA, viện trợ của nước ngoài.

- Vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các ngân hàng Thương mại.

- Kinh phí từ các doanh nghiệp.

- Kinh phí từ các Quỹ.

- Kinh phí huy động từ các nguồn khác, gồm nguồn vốn của tổ chức, cá nhân, vốn đầu tư nước ngoài.

2. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung Chương trình, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ đề xuất dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia phải có phương án huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, đảm bảo tính khả thi theo quy định pháp luật.

**7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**7.1. Ban Chỉ đạo Chương trình**

Ban chỉ đạo Chương trình do Thủ tướng Chính phủ thành lập, gồm: Phó Thủ tướng làm Trưởng ban và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Phó Trưởng ban; các ủy viên Ban chỉ đạo gồm đại diện lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ.

Ban chỉ đạo Chương trình hoạt động theo Quy chế do Trưởng Ban chỉ đạo phê duyệt.

7.**2. Trách nhiệm các bộ, ngành, địa phương**

***a. Bộ Khoa học và Công nghệ***

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình bao gồm: xây dựng tiêu chí cụ thể xác định sản phẩm quốc gia, hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ và quản lý nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành đề xuất bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia, thông qua Ban chỉ đạo Chương trình, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định các nhiệm vụ thuộc Chương trình và ra quyết định phê duyệt. Đối với các nhiệm vụ lớn, phức tạp, có tính liên ngành trình Trưởng Ban chỉ đạo phê duyệt.

- Tổng hợp dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai ở các Bộ, ngành, địa phương để Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối, bố trí vào kế hoạch hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung của Chương trình, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện lên Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác truyền thông về nội dung, kết quả, sản phẩm của Chương trình, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

***b. Bộ Kế hoạch và Đầu tư***

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cân đối, bố trí và hướng dẫn sử dụng vốn đầu tư phát triển, sự nghiệp kinh tế để triển khai, thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ các nhiệm vụ của Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cân đối, bố trí hàng năm vốn đầu tư nâng cấp, xây dựng mới phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm và trạm thử nghiệm cho các nhiệm vụ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình.

***c. Bộ Tài chính***

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế tài chính, chính sách ưu đãi về tài chính có liên quan đến thuế, tín dụng, lãi xuất ngân hàng; cân đối và bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, huy động vốn hỗ trợ phát triển để thực hiện các nhiệm vụ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình.

***d. Bộ Công Thương***

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và triển khai các giải pháp, chính sách liên quan đến phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm quốc gia.

***e. Các Bộ, ngành, địa phương***

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất bổ sung danh mục sản phẩm quốc gia, các nhiệm vụ phát triển sản phẩm quốc gia, thẩm định các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia.

Chỉ đạo các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phát triển sản phẩm quốc gia, chịu trách nhiệm phát triển các sản phẩm quốc gia thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý.

**8. Điều khoản chuyển tiếp**

Quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các nhiệm vụ và sản phẩm đang triển khai trong Chương trình giai đoạn 2010-2020 nhằm thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại Thông báo số 52/TB-VPCP để đảm bảo triển khai không gián đoạn và có hiệu quả các Chương trình, cụ thể:

8.1. Danh mục sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chỉnh phủ phê duyệt thực hiện trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 tiếp tục được triển khai trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

8.2. Các nhiệm vụ phát triển sản phẩm quốc gia đã phê duyệt danh mục trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục triển khai theo các quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

# IV. TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổng hợp, tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành, Địa phương. Nội dung chi tiết được kèm theo Tờ trình này.

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Văn phòng Chính phủ;- Lưu: VT, PC, CNN. | **BỘ TRƯỞNG****Chu Ngọc Anh** |

1. Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ động, phối hợp với các Bộ ngành có liên quan xây dựng và ban hành 08 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 07 Thông tư hướng dẫn của các bộ ngành. [↑](#footnote-ref-1)
2. 18 sản phẩm quốc gia, gồm: 14 sản phẩm (thuộc 09 nhóm sản phẩm, 06 chính thức và 03 dự bị) từ năm 2012 tại Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16/4/2012, Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 và 04 sản phẩm từ năm 2017 tại Quyết định số 787/QĐ-TTg ngày 05/6/2017 và Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 19/6/2017. [↑](#footnote-ref-2)
3. 1) Thiết bị nâng hạ có sức nâng lớn (thuộc nhóm “Sản phẩm thiết bị siêu trường, siêu trọng”); 2) Sản phẩm bảo đảm an ninh, an toàn mạng thông tin (gồm 02 sản phẩm); 3) Sản phẩm động cơ sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải (gồm 02 sản phẩm); 4) Vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi (thuộc nhóm “Sản phẩm vắc-xin phòng bệnh cho người và vật nuôi của Việt Nam”); 5) Sản phẩm vi mạch điện tử; 6) Sản phẩm Sâm Việt Nam. [↑](#footnote-ref-3)
4. Vắc-xin phòng bệnh cho người (thuộc nhóm “Sản phẩm vắc-xin phòng bệnh cho người và vật nuôi của Việt Nam”) [↑](#footnote-ref-4)
5. Giàn khoan dầu khí di động (thuộc nhóm “Sản phẩm thiết bị siêu trường, siêu trọng”) [↑](#footnote-ref-5)
6. 1) Sản phẩm lúa gạo VN chất lượng cao, năng suất cao; 2) Sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu; 3) Sản phẩm cá da trơn Việt Nam chất lượng cao và các sản phẩm chế biến từ cá da trơn; 4) Tôm nước lợ; 5) Cà phê Việt Nam chất lượng cao. [↑](#footnote-ref-6)
7. 1) Sản phẩm bảo đảm an ninh, an toàn mạng thông tin (gồm 02 sản phẩm); 2) Sản phẩm động cơ sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải (gồm 02 sản phẩm); 3) Sản phẩm vi mạch điện tử. [↑](#footnote-ref-7)
8. là hướng tới các doanh nghiệp lớn, có khả năng, xây dựng và sản xuất sản phẩm thương hiệu quốc gia, có thị trường lớn để làm chủ công nghệ, tăng tỷ lệ nội địa hóa, tiến tới việc chiếm lĩnh thị trường trong nước [↑](#footnote-ref-8)
9. Nguồn vốn đầu tư phát triển để triển khai các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng hạ tầng, cơ sở ươm tạo; Cơ chế vay vốn ưu đãi, bảo lãnh vốn vay đối với các nhiệm vụ thuộc các Chương trình quốc gia; Cơ chế hỗ trợ tài chính đặc thù liên quan tới các nội dung đào tạo. [↑](#footnote-ref-9)
10. Sản phẩm dàn khoan tự nâng 120m nước, một số sản phẩm xắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi; vắc xin cho người; lúa gạo gồm gói kỹ thuật thâm canh, trong đó giảm được 50% nhu cầu về hạt giống lúa cho gieo cấy mà vẫn đảm bảo được năng suất cao; 02 giống lúa thuần chất lượng đạt tiêu chí về chất lượng và khả năng chống chịu sâu bệnh… [↑](#footnote-ref-10)